TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HS-PT
Ngày: 06 - 3 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Trọng Hân**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Diệu Hiền**

Ông **Nguyễn Thành Quang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Quý** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Tuyết Nhung** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2020/TLPT-HS ngày 07 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Trần Thị N và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2019/HS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Thị N, sinh ngày 01/01/1977 tại Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp 7 X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Sửa quần áo; trình độ học vấn: 4/12; con ông Trần Văn L và bà Trần Thị K; chồng: Không; con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/6/2019 đến ngày 08/7/2019. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Dương Văn Đ, sinh năm 1970 tại Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp 7 X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 9/12; con ông Dương Văn X và bà Võ Thị N (đã chết); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2019 đến nay (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Dương Văn Đ: Luật sư **Mai Hồng H**, thuộc Văn phòng Luật sư Chấn Lai – Chi nhánh Kiên Giang, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 29/6/2019 tại khu phố 3, phường C, thành phố H lực lượng công an dừng kiểm tra xe ô tô biển kiểm soát 68A-109.43 do Dương Văn Đ điều khiển chở Trần Thị N, lực lượng Công an phát hiện trên xe có 5.250 bao thuốc lá điếu nhập lậu (gồm 3.000 bao hiệu Hero; 890 bao hiệu Ram; 750 bao hiệu Jet; 500 bao hiệu SCOTT; 110 bao hiệu MESSI) nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trần Thị N và Dương Văn Đ về hành vi "Vận chuyển hàng cấm". Theo lời khai của Trần Thị N, vào ngày 27/6/2019 N được hai người thanh niên tên "Đức" và "Đen" (không rõ họ tên địa chỉ) rủ đến thành phố H mua thuốc lá điếu nhập lậu vận chuyển về thành phố R bán kiếm lời, Đức và Đen chịu trách nhiệm trong việc mua thuốc lá điếu nhập lậu và tiêu thụ, còn N đi theo xe để nhận thuốc lá điếu nhập lậu rồi vận chuyển về khu vực cây xăng 16 thuộc xã Thạnh Lộc, huyện C, tỉnh Kiên Giang giao lại cho Đức và Đen. Sau khi bàn bạc xong, khoảng 22h00 ngày 28/6/2019 N đến khu vực Trung tâm thương mại 30/4 thuộc phường V, thành phố R gặp Dương Văn Đ là tài xế taxi mang biển kiểm soát 68A-109.43 đang đỗ xe chờ khách, thuê chở đến thành phố H với giá 1.100.000 đồng, N hướng dẫn Đ điều khiển xe vào đường Đá Dựng thuộc Khu phố Thạch Động, phường Mỹ Đức, thành phố H để nhận thuốc lá điếu nhập lậu và N đưa cho người thanh niên tên Đen 4.300.000 đồng là tiền mua 1.000 bao thuốc lá điếu nhập lậu. Trong lúc N và một số người khác (không rõ họ tên địa chỉ) đưa các bịch Nylon màu đen lên taxi, thì Đ phát hiện bên trong các bịch Nylon màu đen có chứa thuốc lá điếu nhập lậu nhưng Đ vẫn đồng ý vận chuyển chạy về hướng R. Đến đoạn đường Quốc lộ 80, thuộc khu phố 3, phường C thì bị bắt tang Đ và N đang vận chuyển thuốc lá điếu nhập lậu.

Vật chứng trong vụ án gồm:

1. 3.000 (ba nghìn) bao thuốc lá điếu nhập lậu hiệu HERO.

2. 890 (tám trăm chín mươi) bao thuốc lá điếu nhập lậu hiệu RAM.

3. 750 (Bảy trăm năm mươi) bao thuốc lá điếu nhập lậu hiệu JET.

4. 500 (năm trăm) bao thuốc lá điếu nhập lậu hiệu SCOTT.

5. 110 (Một trăm mười) bao thuốc lá điếu nhập lậu hiệu MESSI.

6. 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại VIOSE, màu sơn: trắng, số máy: 2NRX39642, số khung: 3F30J5055723, biển kiểm soát 68A-109.43 (xe đã qua sử dụng).

Vật chứng từ mục số 1 đến mục số 5 hiện đang bảo quản tại kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, đề nghị tịch thu tiêu hủy; Vật chứng mục số 6 đã trả lại cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phú Gia Hưng do ông Lý Vĩnh Nghiêm

là người đại diện theo ủy quyền nhận theo Quyết định xử lý vật chứng số 865 ngày 08/7/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố H.

*** Tại bản án sơ thẩm số: 35/2019/HS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Thị N, Dương Văn Đ phạm tội "Vận chuyển hàng cấm".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Thị N 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án, được khấu trừ thời giam bị tạm giữ từ ngày 29/6/2019 đến ngày 08/7/2019.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Dương Văn Đ 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 29/6/2019.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, xử lý vật chứng và báo quyền kháng cáo theo luật định.

* Ngày 12 tháng 12 năm 2019 bị cáo Trần Thị N có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và yêu cầu làm rõ vai trò, trách nhiệm của hai người tên Đức và Đen trong vụ án này.

Ngày 10 tháng 12 năm 2019 bị cáo Dương Văn Đ kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

* Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm xử các bị cáo về tội "Vận chuyển hàng cấm" theo điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật hình sự là đúng tội của bị cáo, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt. Riêng bị cáo N rút một phần kháng cáo về yêu cầu làm rõ vai trò, trách nhiệm của hai người tên Đen và Đức trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Vận chuyển hàng cấm" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 191 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật. Xét kháng cáo của các bị cáo thấy rằng, vai trò của bị cáo Đ trong vụ án là không đáng kể nên áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; đối với bị cáo N là người giữ vai trò chính, trực tiếp thuê taxi đi vận chuyển thuốc lá điếu, mức án mà cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo

là không nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đ giảm hình phạt cho bị cáo từ 05 năm tù xuống còn 01 – 02 năm tù; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N, giữ nguyên mức hình phạt 06 năm tù đối với bị cáo.

Luật sư H phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo Đ như sau: Thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thật thà khai báo hơn so với tại cấp sơ thẩm, khi bỏ hàng lên xe bị cáo mới biết là thuốc lá, trong quá trình vận chuyển bị cáo bị bắt quả tang cùng với tang vật, số thuốc này chưa được đưa ra thị trường nên gây hậu quả không lớn, bản thân bị cáo không có thu lợi, chỉ hưởng tiền cước taxi; hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn là lao động chính, nuôi cha bị tai biến. Từ đó, đề nghị Hội đống xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của các bị cáo về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của bản án sơ thẩm:

Bị cáo Trần Thị N được hai người thanh niên tên Đức và Đen (không rõ họ tên địa chỉ) kêu đến thành phố H vận chuyển thuốc lá điếu nhập lậu về thành phố R; Đức và Đen chịu trách nhiệm trong việc mua thuốc lá điếu nhập lậu và tiêu thụ, còn N đi theo xe để nhận thuốc lá rồi vận chuyển về khu vực cây xăng 16 thuộc xã Thạnh Lộc, huyện C, tỉnh Kiên Giang giao lại cho Đức và Đen. Theo đó, khoảng 22 giờ ngày 28/6/2019 N đến khu vực Trung tâm thương mại 30/4 thuộc phường Vĩnh Quang, thành phố R kêu xe taxi do Dương Văn Đ làm tài xế với giá 1.100.000 đồng (tiền cước thuê xe do Đức, Đen trả) chạy tới đường Đá Dựng thuộc khu phố Thạch Động, phường Mỹ Đức, thành phố H để nhận thuốc lá điếu nhập lậu và N đưa cho Đen 4.300.000 đồng là tiền mua 1000 bao thuốc lá điếu nhập lậu, rồi cùng vận chuyển về nơi đã thỏa thuận trước với Đức và Đen. Trần Văn Đ là tài xế taxi, được bị cáo N kêu chở khách theo yêu cầu. Trong lúc bị cáo N và một số người khác đưa các bịch nylon màu đen lên taxi, thì Đ phát hiện bên trong các bịch nylon màu đen có chứa thuốc lá

điếu nhập lậu nhưng Đ vẫn đồng ý vận chuyển về hướng R. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 29/6/2019 khi đến đoạn đường Quốc lộ 80 thuộc khu phố 3, phường C, thành phố H thì N và Đ bị lực lượng công an dừng xe kiểm tra phát hiện trên xe có 5.250 bao thuốc lá điếu nhập lậu (gồm 3.000 bao hiệu Hero; 890 bao hiệu Ram; 750 bao hiệu Jet; 500 bao hiệu SCOTT; 110 bao hiệu MESSI) và lập biên bản bắt quả tang về hành vi Vận chuyển hàng cấm.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội "Vận chuyển hàng cấm" theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh, khung hình phạt và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là đúng quy định pháp luật. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với bị cáo N, mặc dù là người giữ vai trò cao hơn bị cáo Đ, trực tiếp thuê xe đi vận chuyển thuốc lá, tuy nhiên số lượng thuốc lá mà bị cáo vận chuyển là 5.250 bao ở mức gần đầu khung hình phạt (khung hình phạt quy định từ 4.500 bao trở lên, mức hình phạt từ 05 năm trở lên); bị cáo chủ yếu đi theo xe để áp tải số thuốc lá trên cho Đức và Đen, không được hưởng tiền công vận chuyển mà chỉ được vận chuyển ké 1.000 bao thuốc lá của bị cáo mua. Cấp sơ thẩm xử bị cáo mức án 06 năm tù có phần hơi nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo; mặt khác hiện nay hoàn cảnh bị cáo cũng rất khó khăn, đang phải trực tiếp nuôi hai con nhỏ, nghĩ nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo cũng đủ nghiêm.

Đối với bị cáo Đ, là tài xế taxi được bị cáo N kêu chở đi H, bị cáo không được hưởng lợi từ việc vận chuyển thuốc lá mà chỉ được nhận tiền cước taxi, không có bàn bạc từ trước, khi đến nơi bị cáo N và một số người khác bỏ thuốc lá lên xe thì bị cáo mới biết, lúc này bị cáo đã miễn cưỡng (vì đã chạy từ R đến H và đã báo với công ty nên sợ mất tiền thuê xe) vận chuyển về R thì bị bắt quả tang. Xét thấy, vai trò của bị cáo Đ trong vụ án này là không đáng kể nên việc cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 05 năm tù là quá nghiêm khắc so với hành vi phạm tội của bị cáo. Mặt khác, trong quá trình điều tra và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; hoàn cảnh gia đình hiện nay rất khó khăn, Hội đồng xét xử nghĩ cần áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên và Luật sư là phù hợp.

Đối với kháng cáo của bị cáo N yêu cầu làm rõ vai trò, trách nhiệm của hai người tên Đen và Đức trong vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xin rút lại phần yêu cầu này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về quan điểm của Kiểm sát viên:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đ là có căn cứ nên chấp nhận. Đối với đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N, giữ nguyên mức hình phạt 06 năm tù đối với bị cáo là có phần hơi nghiêm khắc như nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về quan điểm bào chữa của Luật sư H: Luật sư đề nghị chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ là có cơ sở nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do các bị cáo kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thị N và Dương Văn Đ;

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 35/2019/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

2. Áp dụng: Điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo **Trần Thị N 05 (năm) năm tù** về tội "Vận chuyển hàng cấm". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời giam bị tạm giữ từ ngày 29/6/2019 đến ngày 08/7/2019.

Áp dụng: Điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo **Dương Văn Đ 02 (hai) năm tù** về tội "Vận chuyển hàng cấm". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/6/2019.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án số 35/2019/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (2);
- Cơ quan điều tra huyện (1)
- VKS huyện (1)
- Tòa án huyện (1)
- Thi hành án hình sự huyện (1)
- Chi cục thi hành án dân sự huyện (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hình sự (6).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trọng Hân